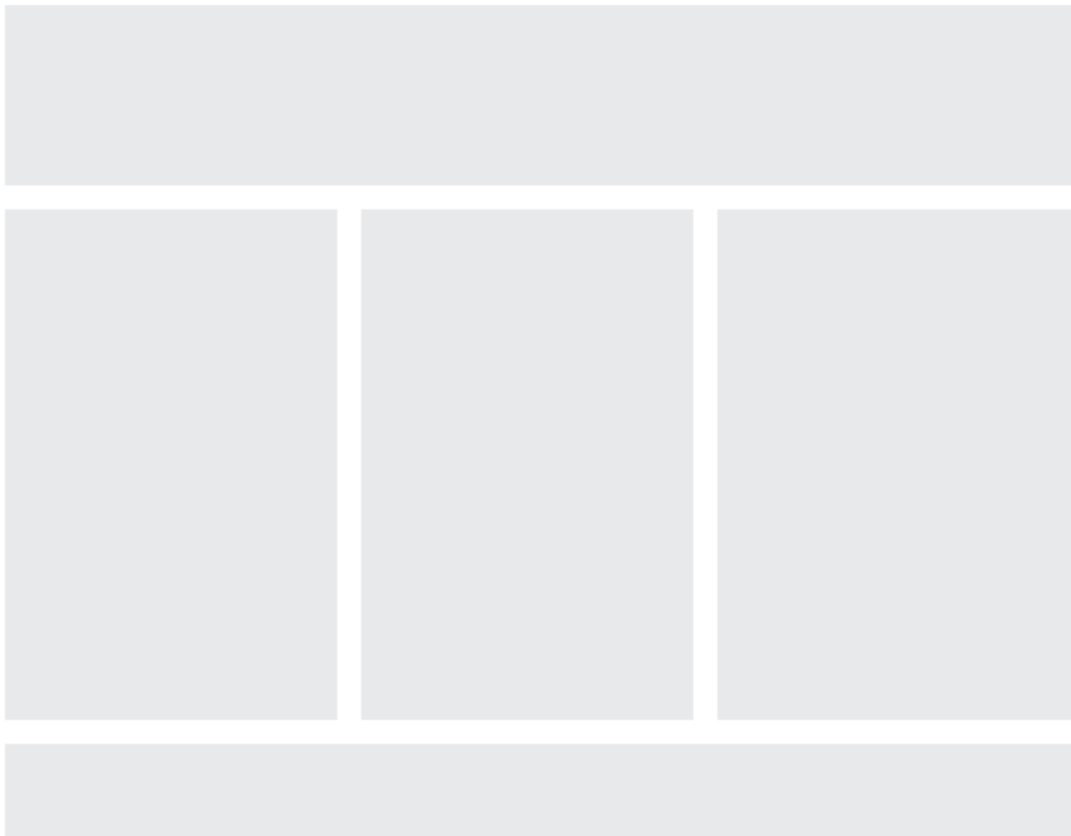


Cấu trúc nội dung trang web css cơ chế làm việc

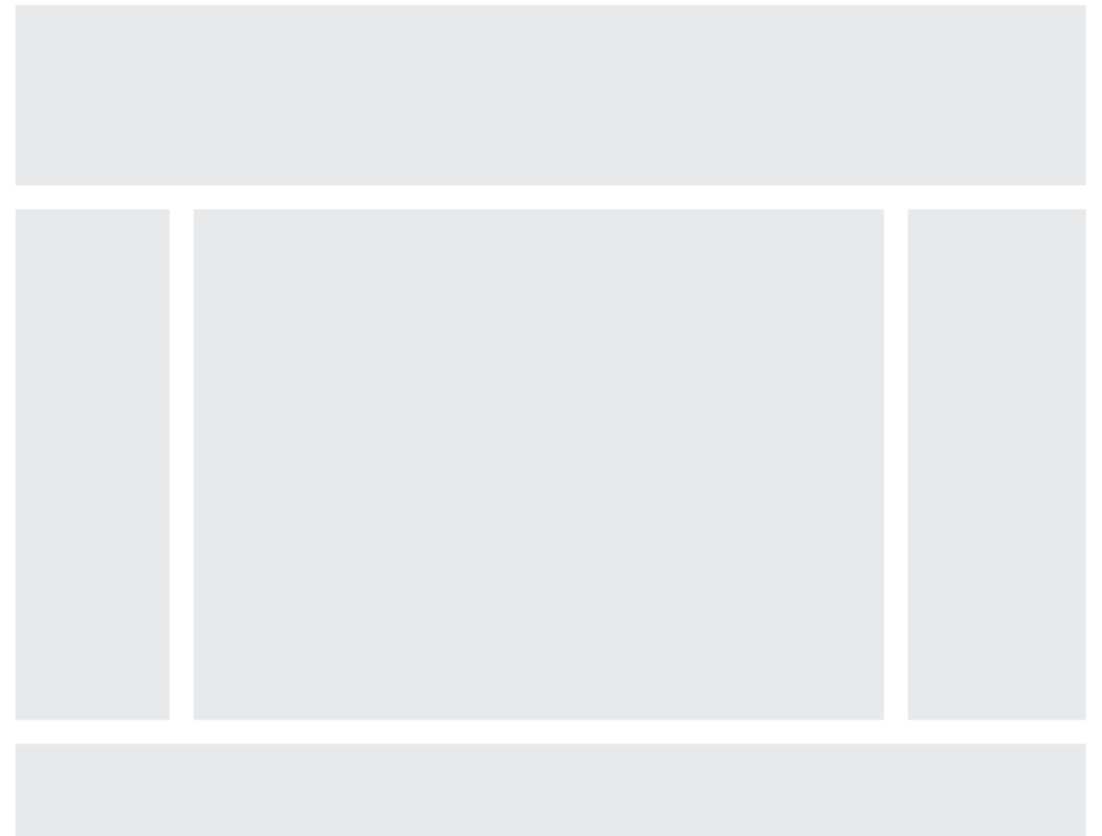
[HTTPS://WWW.W3SCHOOLS.COM/CSS/CSS_INTRO.ASP](https://www.w3schools.com/css/css_intro.asp)

Một số bố cục web thông dụng

Header, equal columns and footer:

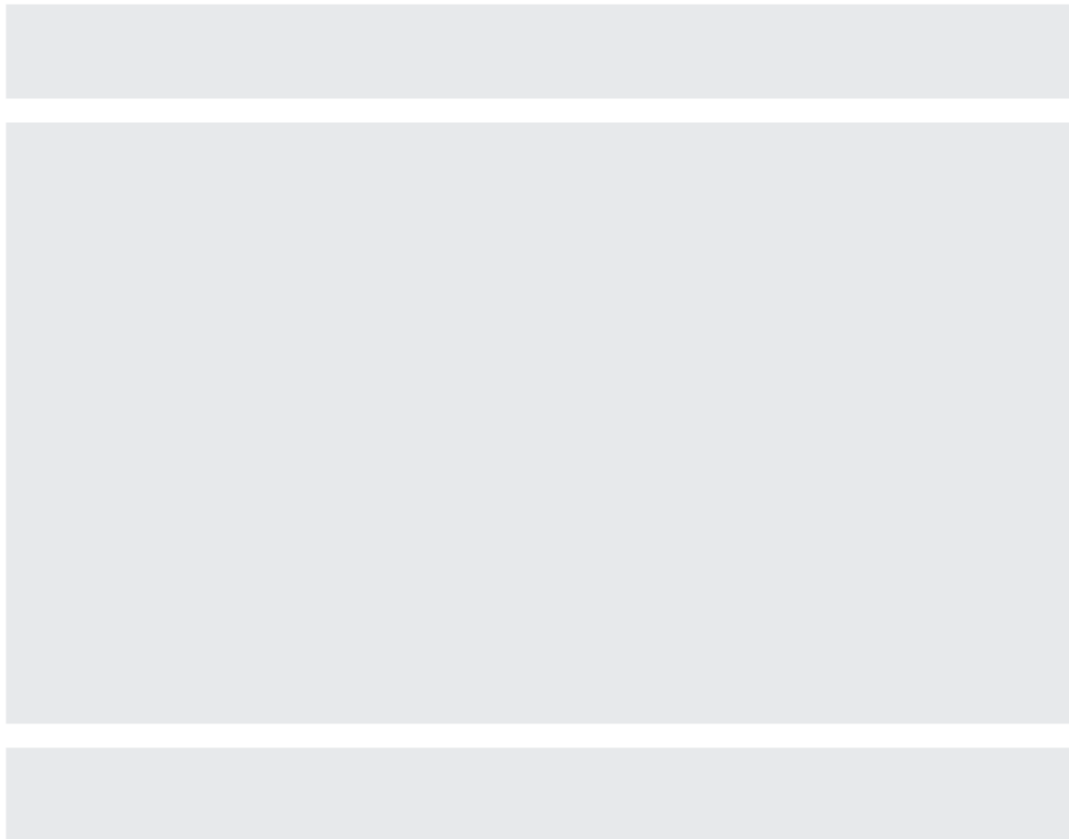


Header, unequal columns and footer:

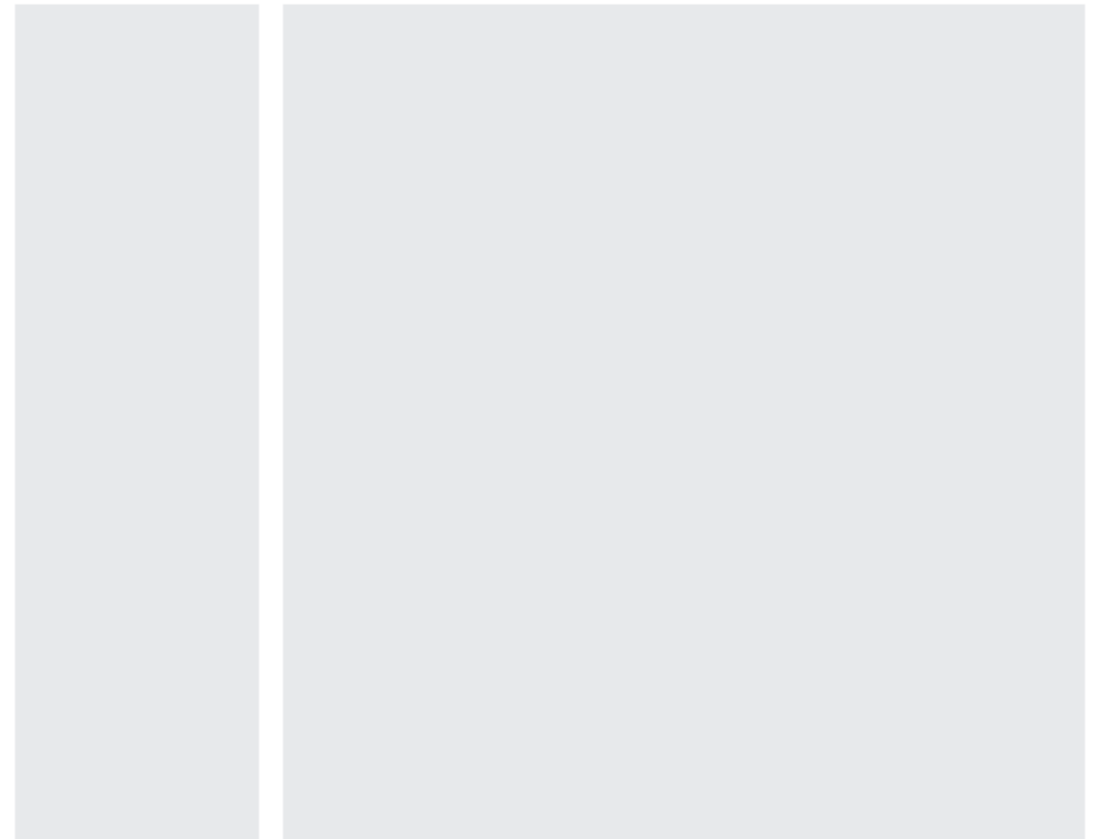


Một số bố cục web thông dụng

Topnav, content and footer:



Sidenav and content:



Cách thiết kế layout website

- ✓ Xác định bố cục website: cột
- ✓ Chia nhỏ từng thành phần trong web để dàn layout
- ✓ Xác định từng box chứa nội dung cụ thể gì?
- ✓ Xác định vị trí những box có thể kế thừa

Sơ đồ phân cấp của tài liệu

```
<!DOCTYPE html>
✓ <html lang="en">
✓ <head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="IE=edge">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1">
  <link rel="stylesheet" href="https://maxcdn.bootstrapcdn.com/bootstrap/4.0.0/css/bootstrap.min.css">
  <title>Document</title>
</head>
✓ <body>
  <h1>đây là heading 1</h1>
  <i class="fa fa-user-circle" aria-hidden="true"></i>
  <a href="https://hnmu.edu.vn">website của trường HNMU</a>
</body>
</html>
```

Mối quan hệ của các thẻ cha-con:

- <html> là thẻ cha cao nhất, nếu định nghĩa style cho html thì tất cả các con của nó sẽ kế thừa.
- Nếu muốn định nghĩa riêng, viết style riêng cho thẻ con đó.

CSS- Định nghĩa

- CSS là viết tắt của Cascading style Sheets (*định dạng kiểu dáng thông tầng*)
- CSS định nghĩa cách thức hiển thị các thành phần HTML
- Nhờ có CSS, các thẻ HTML không cần có các thuộc tính trình bày, mà chỉ tập trung vào việc định nghĩa cấu trúc nội dung.
- CSS giúp tách việc xây dựng nội dung và trình bày nội dung
- Các định nghĩa CSS có thể được lưu trong cùng file .html hoặc tách riêng trong file .css

CSS- ĐỊNH NGHĨA

CSS của mỗi trang web gồm một tập các định nghĩa style (rule), có dạng như sau:

```
Selector{  
Property1: value1;  
Property2: value2;  
}
```

Selector: tên các thẻ hoặc các id, class

Định nghĩa selector theo thẻ

- Định nghĩa style cho một selector:
`h1{ color:blue; font-weight: bold;}`
- Định nghĩa cùng style cho nhiều selector:
`h1, h2, h3, h4, h5, h6 {color:blue; font-weight: bold;}`
- Cùng một selector, có thể định nghĩa nhiều style
`h1, h2, h3, h4, h5, h6 {color:blue; font-weight: bold;}`
`h3{font-style: italic;}`
- Định nghĩa theo ngữ cảnh:
`div p {color:red;}`

Kiểm tra trên trình duyệt

Tổ hợp phím F12 (kích phải chuột chọn kiểm tra)

The image shows a web browser displaying the w3schools.com website. The website has a blue header with the logo and navigation links for HTML, CSS, JavaScript, and MORE. Below the header is a banner for IC Markets with text like "FIRST 20 TRADES FREE" and "SAVE UP TO \$700 on commissions". The main content area is titled "CSS Examples" and includes links for "CSS Syntax", "The element selector", "The id selector", "The class selector (for all elements)", "The class selector (for only <p> elements)", "Grouping selectors", and "CSS comments".

Overlaid on the right side of the browser window is the Chrome DevTools developer console. The "Elements" panel is open, showing the HTML structure of the page. The "Styles" panel is also open, displaying the CSS rules for the selected element. The "Console" panel is visible at the bottom, showing a message about the Chrome 71 update.

The "Elements" panel shows the following structure:

```
<html>
  <body style="position: relative; min-height: 100%; top: 0px;">
    <div class="w3-container-top">
      ...
    </div>
  </body>
</html>
```

The "Styles" panel shows the following CSS rules:

```
element.style {
  position: relative;
  min-height: 100%;
  top: 0px;
}

html, body {
  font-family: Verdana,sans-serif;
  font-size: 15px;
  line-height: 1.5;
}

body {
  margin: 0;
}

*, *:before, *:after {
  box-sizing: inherit;
}
```

The "Console" panel shows a message about the Chrome 71 update:

```
Highlights from the Chrome 71 update

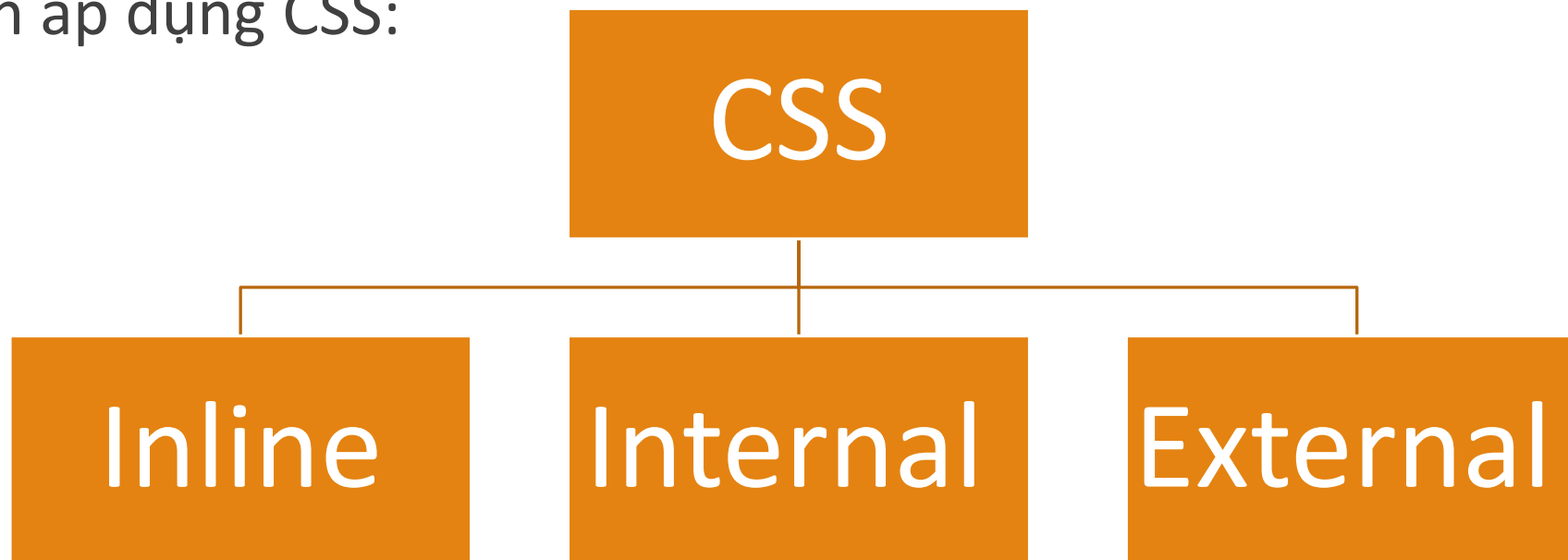
Hover over a Live Expression to highlight a DOM node
Hover over a result that evaluates to a node to highlight that node in the viewport.

Store DOM nodes as global variables
Right-click a node in the Elements panel or Console and select "Store as global variable".

Initiator and priority information now in HAR imports and
```

Cách áp dụng CSS

3 cách áp dụng CSS:



Thứ tự ưu tiên: INLINE, Internal, External

INLINE

Inline: `<p style="font-size: 25pt; font-weight: bold; font-style: italic; color:red;">Nội dung...</p>`

Đặc điểm:

- Ưu tiên nhất trong các các cách áp dụng
- Giới hạn áp dụng trong thẻ được chèn
- Nặng cho file HTML
- Không có tính linh động
- Lộn xộn giữa nội dung và trình bày

Internal

<head>

<style type="text/css">

h1{font-size:16px;}

p{color:blue;}

</style>

</head>

Định nghĩa trong thẻ
<head> của trang

Đặc điểm:

- Định nghĩa style tập trung
- Dùng lại cho nhiều thẻ
- Giới hạn áp dụng trong trang
- Ưu tiên số 2 trong các cách áp dụng CSS

External

<head>

<link href="mystyle.css" rel="Stylesheet" type="text/css"/>

</head>

Các style được định nghĩa trong file .css riêng và được liên kết với trang, định nghĩa liên kết đặt trong thẻ <head>

```
/* CLASS:LIME TAG STYLES */
body.lime {background-color:#FFF;}
.lime #main_wrapper {background-color:#FFF;}
.lime #header {background-color:#507EA1;}
.lime #nav {background-color:transparent;}
.lime #content {background-color:#CFE673;}
.lime #promo {background-color:transparent;}
.lime #footer {background-color:#BFCCD6;}
```

External

- Ưu tiên thứ 3 trong các cách áp dụng CSS
- Có tính kế thừa
- Phạm vi áp dụng: toàn bộ các trang trong website
- Thiết kế, chỉnh sửa dễ dàng
- Áp dụng được nhiều file CSS

Demo: kết quả chạy trên trình duyệt, chữ thẻ h1 có màu gì?

```
<> CSS_coche.html > html
1  <!DOCTYPE html>
2  <html lang="en">
3  <head>
4      <meta charset="UTF-8">
5      <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="IE=edge">
6      <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">
7      <link rel="stylesheet" href="1.css">
8      <title>Document</title>
9      <style>
10         h1{
11             color: green;
12         }
13     </style>
14 </head>
15 <body>
16     <h1 style="color: red;">đây là thẻ heading 1</h1>
17     
18 </body>
19 </html>
```

```
<> CSS_coche.html # 1.css X
# 1.css > h1
1  h1{
2      color: blue;
3  }
```

Id và class trong CSS

Tại sao cần Id và Class?

Drop cap in CSS

When creating web pages, user experience should be top of mind. That means that simplicity, visual hierarchy, and navigability must be prioritized in your build process.

These guidelines for exceptional web design and usability have the same goal: to make it easy for visitors to find the information they're looking for or complete the action that they set out to accomplish. Legible typefaces, a consistent color scheme, and breadcrumbs are just a few design elements that can improve the user experience on your site.

To make the drop cap line up with the top of the first line of the paragraph and the left margin of the paragraph, you can use the float and line-height property. Set the float property to left and the line height to 85%. By setting the line height to 85% instead of 100%, you align the top of the capital "T" with the top of the lowercase "h."

Then, to ensure the drop cap and paragraph do not overlap, set a fixed width for the span. Using 0.7em, or .7 times the width of the font of the paragraph, will give the illusion of padding between the drop cap's right and bottom edge and the paragraph. To make the drop cap the size of three lines of text, set the font-size to 400%. Note that 400% of 16px (the default font-size in W3School's Tryit Editor) is 64px.

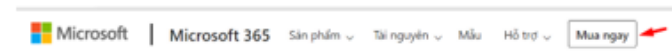
What is a drop cap?

A drop cap is short for "dropped capital." It's the large capital letter you sometimes see at the beginning of a paragraph in print and digital publications. This decorative element is usually the size of two or more lines of text in a paragraph.

In [The Atlantic](#), drop caps are used to break up sections of an article and signify the starting point of each for the reader. They take up the space of three lines of text, as seen in the excerpt from "The American Nightmare" by Ibram X. Kendi below.

[The New Yorker](#) uses drop caps for a similar purpose on its site, but at a smaller size. Its drop caps take up two lines instead of three, as seen in the excerpt from "How Pandemics Wreak Havoc—and Open Minds" by Lawrence Wright below.

The first way is to wrap the first letter of a paragraph with span tags. You can then style the span, without affecting the rest of the paragraph, by using a CSS selector. Below, we'll use the type selector span.




```

<!DOCTYPE html>
<html lang="en">
<head>
  <meta charset="UTF-8">
  <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="IE=edge">
  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1">
  <link rel="stylesheet" href="class_id.css">
  <title>Document</title>
</head>
<body>
  <h1>Drop cap in CSS</h1>
  <p class="doan1" id="tomtat">When creating w
  <p class="doan1">These guidelines for except
  <p class="doan1">To make the drop cap line u
  <p class="doan1">Then, to ensure the drop ca
  <h1>What is a drop cap?</h1>
  <p class="doan2">A drop cap is short for “dr
  <p class="doan2">In The Atlantic, drop caps
  <p class="doan2">The New Yorker uses drop ca
</body>
</html>

```

class_id.css > .doan2

```

5  h1{
6      font-family: Arial, Helvetica, sans-serif;
7  }
8  .doan1{
9      font-family: times new roman;
10     font-size: 12px;
11     color: rgb(211, 140, 47);
12 }
13 #tomtat{
14     color: green;
15     font-style: italic;
16 }
17 .doan2{
18     font-family: calibri;
19     font-size: 16px;
20     color: brown;
21 }

```

ID & Class trong CSS

Là thành phần định danh, được thêm vào thẻ

Giúp áp dụng chính xác CSS vào từng thẻ hoặc tập hợp thẻ

Không nên viết id, class bắt đầu với ký tự số, biểu tượng (symbol)

```
.text_news {font-family: Tahoma, Geneva, sans-serif; font-size:11px; text-decoration:none;}
```

class

```
#navi {width: 960px; float: left;}
```

id

ID và Class (lớp)

- Thuộc tính id: dùng để định danh (identifier) một thẻ trên trang web

Ví dụ:

```
<div id="header">nội dung </div>
```

- Thuộc tính Class: dùng để định nghĩa một kiểu định dạng

Ví dụ:

```
<div class="navigationbar"> nội dung</div>
```

Class

- ✓ Định dạng cụ thể vùng/thẻ tài liệu
- ✓ Mang tính chất kế thừa, sử dụng lại nhiều lần với nhiều vùng/thẻ trên trang
- ✓ Có thể áp dụng nhiều class trên một thẻ HTML
- ✓ Sử dụng ký tự `.` ở đầu định nghĩa style

Định nghĩa selector theo ID

- ✓ ID không mang tính sử dụng lại nhiều lần, áp dụng để định danh cho một thẻ
- ✓ ID không mang tính chất kế thừa
- ✓ Sử dụng ký tự # ở đầu định nghĩa style

Sự khác biệt giữa class và id

- Id chỉ được gán với một thẻ (thường là thẻ div) trên HTML (không xuất hiện nhiều lần)
- Class có thể được gán với nhiều thẻ (xuất hiện nhiều lần)
- Có thể sử dụng nhiều thuộc tính id trong một trang nhưng mỗi thuộc tính có một tên riêng để định nghĩa
- Dùng ID để định danh các thẻ, phục vụ cho việc lập trình Javascript

Cách sử dụng nhiều class

Không cần phải định nghĩa nhiều class, sử dụng linh hoạt, mềm dẻo.

```
.xanh{
```

```
Color:green;
```

```
}
```

```
.font_dep{
```

```
Font-family:segoe ui light;}
```

```
<span class="xanh font_dep"> vừa xanh vừa font đẹp</span>
```

Muốn sử dụng bao nhiêu class đều viết cách nhau bởi dấu cách.

Tổng kết

- CSS là viết tắt của Cascading style Sheets (*định dạng kiểu dáng thông tầng*), CSS định nghĩa cách thức hiển thị các thành phần HTML.
- Có thể sử dụng CSS qua 3 cơ chế: inline, internal và external. Khi thiết kế website (nhiều pages) nên sử dụng cách external.
- Id chỉ được gán với một thẻ (thường là thẻ div) trên HTML (không xuất hiện nhiều lần)
- Class có thể được gán với nhiều thẻ (xuất hiện nhiều lần)

Các định nghĩa css cần tìm hiểu

- CSS color
- CSS backgrounds
- CSS borders
- CSS Margins
- CSS paddings
- CSS Height, Width and Max-width
- CSS Box Model
- CSS Outline
- CSS Text